

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ NGUỒN GỐC CỦA NHÀ NƯỚC

PGS.TS. THÁI VINH THẮNG \*

Cho đến nay, trong khoa học pháp lí, vấn đề nguồn gốc của nhà nước và pháp luật vẫn còn có nhiều quan điểm và tư tưởng khác nhau.

## 1. Quan điểm của Plato và Aristotle - nguồn gốc tự nhiên của nhà nước

Trong tác phẩm “Nền cộng hoà” Plato đã trình bày quan điểm của mình về nguồn gốc của nhà nước thông qua cuộc đối thoại giữa Thrasymachus và Socrates. Theo ông, nhà nước có nguồn gốc tự nhiên. Nhà nước phát sinh từ những nhu cầu của loài người. Không ai tự đủ nhưng mọi người chúng ta đều có nhu cầu và cần có nhiều người để đáp ứng nhu cầu ấy. Người thì cần giúp cho mục đích này, người thì cần giúp cho mục đích khác. Và khi người ta tụ tập lại để hợp tác, cùng giúp nhau đáp ứng các nhu cầu cuộc sống của mình thì tạo nên một nước. Các nhu cầu cơ bản của con người là lương thực, quần áo và chỗ ở. Do đó, các nhà nước đầu tiên sẽ gồm nhiều cá nhân kết hợp với nhau để cung cấp các nhu cầu này. Cái lợi của việc tạo ra một xã hội là là các cá nhân có thể chuyên môn hoá lĩnh vực mà họ tài năng nhất. Các thành viên đầu tiên của xã hội ấy sẽ sống tốt hơn nhờ sự chuyên môn hóa các ngành nghề.<sup>(1)</sup>

Trong tác phẩm “Chính trị” Aristotle cho rằng mọi quốc gia là một loại cộng đồng và mọi cộng đồng được thiết lập là nhằm lợi ích nào đó, bởi loài người luôn luôn muốn hành

động nhằm đạt được điều mà họ nghĩ là tốt. Aristotle cho rằng khoa học đạo đức nghiên cứu về sự thiện của một cá nhân còn khoa học chính trị nghiên cứu về sự thiện của cả một cộng đồng - chính xác hơn là sự thiện của một cộng đồng đặc thù là nhà nước (polis). Aristotle giải thích rằng có nhiều loại cộng đồng nhưng nhà nước là cộng đồng cao nhất và bao trùm mọi cộng đồng khác. Chính trị là khoa học về nhà nước nhằm tới lợi ích của con người toàn diện hơn các khoa học khác. Aristotle cho rằng hai cộng đồng đầu tiên của loài người là sự kết hợp giữa nam và nữ và sự kết hợp giữa người cai trị tự nhiên và nô lệ tự nhiên. Về cộng đồng thứ hai Aristotle cho rằng một số người vì đặc tính thông minh của họ được thiên nhiên định cho họ cai trị và một số người khác vì khả năng thể chất và tinh thần được thiên nhiên đặt định cho họ thực hiện kế hoạch của người cai trị. Sự kết hợp giữa người đàn ông và đàn bà tạo nên gia đình và nhiều gia đình tạo thành các làng. Nhà nước hình thành khi các làng được tập hợp lại để tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc cung cấp các nhu cầu của cuộc sống để con người không những được sống mà còn có thể được sống tốt hơn.<sup>(2)</sup>

Như vậy, rõ ràng nhà nước là tạo vật của

\* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

tự nhiên và con người tự bản tính là con vật chính trị (politikon). Người nào không có khả năng sống trong xã hội cộng đồng vì họ tự đủ cho chính mình, người ấy phải là một con thú hoặc là một thiên thần. Các cộng đồng khác nhau thấp hơn nhà nước nhưng chúng đều cung cấp một phần lợi ích của con người. Nhà nước là cộng đồng tự đủ vì nó bao gồm nhiều loại cộng đồng thấp hơn và mục đích của nó là kết hợp các cộng đồng này thành cộng đồng đầy đủ có mục đích là tạo nên cuộc sống tốt hơn.

Tóm lại, sự kết hợp các gia đình và làng xóm vào trong một cộng đồng có đời sống tốt hơn đó chính là nguyên nhân tự nhiên của sự ra đời nhà nước.

## **2. Quan điểm của Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau - nhà nước là sản phẩm của khế ước xã hội**

Quan điểm nhà nước là sản phẩm của khế ước xã hội được Thomas Hobbes trình bày trong tác phẩm: "Về công dân" (De Cive) viết bằng tiếng Latin xuất bản năm 1642. Thomas Hobbes sử dụng thuật ngữ "trạng thái tự nhiên" để chỉ trạng thái đời sống con người trước khi xuất hiện nhà nước và xã hội dân sự. Ông bác bỏ và coi là ngây thơ đối với quan điểm của Plato và Aristotle rằng con người tự bản tính là những con vật chính trị, xã hội. Ông cho rằng con người tự bản tính là cá nhân chủ nghĩa - tìm cách bảo tồn sự sống của mình và sợ người khác tấn công. Mọi người đều tìm mọi cách gia tăng lợi ích riêng của mình. Trong trạng thái tự nhiên, cái lợi là cái đúng và mâu thuẫn tự nhiên sẽ phát sinh khi cái lợi của người này làm thiệt hại đến lợi ích của người khác. Nếu

các mâu thuẫn không được giải quyết một cách tự nguyện, chiến tranh sẽ xảy ra. Trong trạng thái chiến tranh liên tục của người chống lại người, kẻ mạnh hiển nhiên có lợi thế hơn kẻ yếu nhưng theo Hobbes, ngay cả kẻ mạnh cũng có lí do để lo sợ vì một ngày nào đó kẻ mạnh hơn sẽ xuất hiện và sự an toàn của kẻ mạnh nhất cũng sẽ bị đe dọa. Trong tác phẩm "Leviathan" Hobbes đã viết rằng: "*Trong trạng thái tự nhiên, đời sống con người là "cô độc, nghèo nàn, ghê tởm, tàn bạo và ngắn ngủi"*". Cách duy nhất để các cá nhân có thể thoát khỏi cuộc chiến nguy hiểm của người chống lại người và thiết lập hoà bình là tập hợp nhau lại và thoả thuận chuyển nhượng một số quyền cho một quyền lực chung. Sự chuyển nhượng này, do hệ luận của luật tự nhiên đòi hỏi tạo thành một khế ước xã hội. Tuy nhiên, trong tác phẩm "Leviathan" Hobbes cũng đã nhấn mạnh rằng các giao ước mà không có grom cũng chỉ là giao ước suông, không có sức để đảm bảo cho ai. Hobbes ví nhà nước như một con thủy quái khổng lồ hay nói một cách trân trọng hơn là vị thần trần gian mà nhờ nó chúng ta có thể sống trong hoà bình và sự an toàn dưới quyền của thượng đế bất tử.<sup>(3)</sup>

John Locke trong tác phẩm "Hai luận thuyết về chính quyền" (Two Treatises of Government) đã trình bày về trạng thái tự nhiên và khế ước xã hội. Locke giải thích rằng trong trạng thái tự nhiên con người tự do làm điều gì họ muốn, miễn là không vi phạm luật tự nhiên. Nhưng trong trạng thái tự nhiên, con người hưởng các quyền tự do một cách bấp bênh và thiếu an toàn, do vậy con người buộc phải liên kết với nhau bằng

một khế ước xã hội. Khế ước lập nên xã hội dân sự, trao cho chính quyền quyền bính để làm những gì cần thiết để bảo vệ tài sản và tính mạng của mọi người. Quyền bính của chính quyền được giới hạn bởi mục đích mà nó được tạo ra. Quyền bính này không bao giờ được giả thiết vượt xa hơn lợi ích chung nhưng buộc phải tuân theo để bảo đảm tài sản của mọi người bằng cách khắc phục những khiếm khuyết của trạng thái tự nhiên. Locke đã chỉ ra ba khiếm khuyết của xã hội tự nhiên:

- Thứ nhất, thiếu một luật được thiết lập ổn định, được mọi người biết, đón nhận và cho phép bởi sự ưng thuận chung để lấy đó làm chuẩn mực, thước đo để giải quyết mọi tranh cãi giữa mọi người. Bởi vì, mặc dù luật tự nhiên là rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi tạo vật có lí trí; tuy nhiên con người bị chi phối bởi các lợi ích riêng và thiếu hiểu biết vì không học hỏi nên không sẵn sàng coi nó là luật ràng buộc họ trong việc áp dụng nó vào các trường hợp đặc thù của họ.

- Thứ hai, trong trạng thái tự nhiên, thiếu một quan toà được mọi người biết và vô tư, có thẩm quyền quyết định mọi khác biệt dựa theo luật được nhìn nhận. Bởi vì, mọi người trong trạng thái ấy trong khi vừa là quan toà vừa là người thi hành luật tự nhiên, những con người thiên vị với chính mình, nên sự đam mê và báo thù rất dễ làm họ đi quá trớn và quá hăng hái với trường hợp của chính mình, cũng như do sự chênh lệch và không quan tâm mà họ trở thành quá lơ là đối với các trường hợp của người khác.

- Thứ ba, trong trạng thái tự nhiên thường thiếu quyền lực để bênh vực và hỗ

trợ bản án khi đúng và thi hành nó một cách đúng đắn. Những người vì phạm có sức mạnh sẽ ít khi thất bại vì họ sẽ dùng sức mạnh để bảo vệ sự bất công của họ.<sup>(4)</sup>

Cả ba khiếm khuyết trên đây sẽ được khắc phục khi có chính quyền. Nhân dân trao cho chính quyền các nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đó. Trong tác phẩm "Hai luận thuyết về chính quyền" John Locke đã chỉ ra rằng: "*Vì không bao giờ có thể giả thiết rằng ý muốn của nhân dân là chính quyền sẽ phá bỏ điều mà mọi người có ý định khi gia nhập xã hội dân sự nên mỗi khi các nhà làm luật tìm cách lấy đi hay huỷ diệt tài sản của nhân dân hay biến nhân dân thành nô lệ dưới quyền độc đoán của họ, họ tự đặt mình vào tình trạng chiến tranh với nhân dân và do đó nhân dân không thể phục tùng họ nữa*".

Trong tác phẩm "Bàn về khế ước xã hội" (Du contra social) Jean Jacques Rousseau đã gián tiếp giải thích nguồn gốc của nhà nước như sau: "*Tôi giả định rằng có một lúc nào đó các trở lực gây hại cho sự sinh tồn của con người có thể lấn át sự kháng cự của các cá nhân, lúc đó tình trạng nguyên thủy sẽ không còn nữa, loài người sẽ bị tiêu diệt nếu họ không thay đổi cách sống. Những con người không thể tạo ra lực mới mà chỉ có thể kết hợp và điều khiển những lực sẵn có. Cho nên phương pháp duy nhất để con người tự bảo vệ là họ phải kết hợp lại với nhau để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khép mình vào tập thể, dùng sức mạnh tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo bản thân mình. Đó là vấn đề cơ*

*bản mà khế ước đưa ra cách giải quyết".<sup>(3)</sup>*

### **3. Quan điểm của học thuyết bạo lực**

Học thuyết bạo lực là một trong những học thuyết phổ biến ở phương Tây về nguồn gốc của nhà nước và pháp luật. Những đại diện tiêu biểu nhất của học thuyết này là nhà triết học, kinh tế học người Đức E. Duhring (1883-1921), nhà xã hội học và chính trị gia người áo L. Gumplovich (1838-1909) và người xét lại chủ nghĩa Mác - K. Kautsky (1854 - 1938).

Bản chất của học thuyết bạo lực là quan điểm cho rằng không phải sự phát triển kinh tế - xã hội và sự phân chia xã hội thành giai cấp là nguyên nhân làm xuất hiện nhà nước và pháp luật mà chính là chiến tranh giữa các bộ lạc, sự chinh phục của bộ lạc này đối với bộ lạc khác chính là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật.

Những người theo học thuyết bạo lực giải thích rằng chính là chiến tranh và việc sử dụng bạo lực của các bộ lạc mạnh để chinh phục và nô dịch các bộ lạc yếu hơn mà hình thành nên bộ máy quân sự. Từ bộ máy quân sự mà hình thành nên bộ máy nhà nước. Bởi vậy, bộ máy nhà nước của các nhà nước xuất hiện đầu tiên bao giờ cũng mang nặng tính chất quân sự - cảnh sát. Trong cuốn "Học thuyết chung về nhà nước" L. Gumplovich biện luận cho quan điểm của mình: "*Lịch sử không thể cho chúng ta thấy một trường hợp nào nhà nước ra đời mà không có sự trợ giúp của bạo lực. Ngược lại, có thể minh chứng cho chúng ta rằng nhà nước luôn luôn là công cụ bạo lực của bộ lạc này đối với bộ lạc khác, nó thể hiện trong sự chinh phục và nô dịch của những*

*bộ lạc mạnh hơn đối với các bộ lạc yếu hơn".* Nhà nước hình thành không phải từ các cá nhân và các gia đình mà nó hình thành nên bởi các bộ lạc. Bộ lạc chiến thắng trở thành giai cấp thống trị, bộ lạc bị chinh phục trở thành giai cấp bị thống trị.

### **4. Quan điểm của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc của nhà nước**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, xã hội loài người đã trải qua một giai đoạn không có nhà nước và pháp luật. Giai đoạn này gọi là xã hội cộng sản nguyên thủy. Do công cụ lao động thô sơ, năng suất lao động thấp nên không có của cải dư thừa, không có sở hữu tư nhân, mọi người đều bình đẳng như nhau, cùng lao động và cùng hưởng thụ. Xã hội không chia thành người giàu và người nghèo, không có người bóc lột và người bị bóc lột, không có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Qua quá trình đấu tranh vì sự sinh tồn của mình, con người nguyên thủy ngày càng thông minh hơn, họ biết chế tạo ra các công cụ lao động để tạo ra năng suất lao động cao hơn, từ các công cụ bằng đá đập, đá mài, loài người đã biết chế tạo các công cụ bằng đồng, bằng sắt. Nhờ các công cụ này mà việc săn bắn và trồng trọt thuận lợi hơn. Xã hội cộng sản nguyên thủy trải qua ba lần phân công lao động xã hội. Lần thứ nhất, chăn nuôi tách khỏi trồng trọt thành một ngành kinh tế độc lập; lần thứ hai, tiểu thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp thành một ngành kinh tế độc lập; lần thứ ba, thương nghiệp ra đời, trong xã hội xuất hiện một tầng lớp không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nhưng lại tham gia vào quá trình phân phối sản phẩm và cùng với

các thủ lĩnh quân sự họ đã làm chủ xã hội. Lúc đó trong xã hội xuất hiện sở hữu tư nhân, xuất hiện người giàu và người nghèo, xuất hiện người bóc lột và người bị bóc lột, xuất hiện giai cấp thống trị và giai cấp bị thống trị, xã hội phân chia thành hai mặt đối lập có mâu thuẫn không thể điều hoà được. Tổ chức thị tộc bộ lạc với những quy tắc đạo đức và tập quán của nó đã tỏ ra bất lực trước những quan hệ xã hội phức tạp đó. Nhu cầu khách quan của xã hội đòi hỏi phải có một tổ chức quyền lực mạnh mẽ hơn, có một bộ máy cưỡng chế với quân đội, cảnh sát, toà án, nhà tù mới có thể duy trì được trật tự xã hội. Bàn về nguồn gốc của nhà nước Ph. Ăngghen đã khẳng định rằng: Nhà nước không phải là một quyền lực từ bên ngoài ấn vào xã hội. Nhà nước là sản phẩm của xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Nó là bằng chứng nói lên rằng xã hội đó bị hãm trong sự mâu thuẫn với bản thân nó mà không sao giải quyết được, rằng xã hội đó đã bị phân chia thành những mặt đối lập không thể điều hoà mà bất lực không sao trừ bỏ được. Nhưng muốn cho những mặt đối lập đó, những giai cấp có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn nhau đó không tiêu diệt lẫn nhau và tiêu diệt luôn cả xã hội trong một cuộc chiến tranh vô ích thì cần phải có một lực lượng cần thiết, một lực lượng tựa hồ như đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu những xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng trật tự. Một lực lượng này sinh từ xã hội và ngày càng tách rời xã hội, đó chính là nhà nước.

### **5. Các quan điểm duy tâm tôn giáo về nguồn gốc nhà nước**

Tôn giáo là hệ thống niềm tin và hành lễ

được xây dựng trên sự công nhận thánh thần.<sup>(6)</sup> Theo nhà xã hội học nổi tiếng người Pháp là Emile Durkheim, tất cả mọi thứ ngoài tầm hiểu biết của chúng ta là cơ sở của kinh nghiệm xã hội mà chúng ta gọi là tôn giáo.<sup>(7)</sup>

Các tôn giáo khác nhau như Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo... đều giống nhau trong quan niệm về thượng đế đã sáng tạo ra con người và vì vậy đã trực tiếp hay gián tiếp sáng tạo ra các thiết chế của con người trong đó có nhà nước và pháp luật. Trong các triều đại phong kiến nhà vua được coi là thiên tử, là người “thế thiên hành đạo trị quốc an bang”. Học thuyết Nho giáo cho rằng làm vua muốn cai trị nước được lâu dài thì phải được mệnh trời. Mệnh trời lại chiều theo lòng dân vì thế mà nhà vua dù quyền lực vô hạn cũng không dám làm điều bạo ngược trái lòng dân. Đạo Hồi quan niệm thánh Allah có thể nhìn thấy tất cả, điều hành tất cả hành vi của con người, kinh Coran là hiến pháp của hiến pháp, hoạt động lập pháp chỉ là cụ thể hoá những điều mà thánh Allah đã răn dạy trong kinh Coran. Đạo Thiên chúa quan niệm Chúa trời đã sáng tạo ra loài người bằng việc tạo ra người đàn ông và đàn bà đầu tiên là Adam và Evơ. Triết học phương Tây đương đại hiện vẫn đang bàn luận về việc Chúa hiện hữu hay không hiện hữu. Một trong những bằng chứng mà các triết gia phương Tây chứng minh Chúa hiện hữu đó là chứng lí về sự chuyển động. Đối với giác quan chúng ta, điều chắc chắn và hiển nhiên là có một số vật đang chuyển động trong thế giới. Bất kì vật gì đang chuyển động cũng bởi sự tác động của một vật khác, vì không vật nào có

thể chuyển động nếu nó không có tiềm năng hướng tới cái nó đang chuyển động tới. Bằng chữ “chuyển động” (motion) chúng ta không có ý nói đến điều gì khác ngoài sự biến đổi một vật từ trạng thái tiềm năng (state of potentiality) sang trạng thái hiện thực (state of actuality). Tuy nhiên không vật nào có thể biến đổi từ trạng thái tiềm năng sang trạng thái hiện thực nếu không bởi một vật đang ở trong trạng thái hiện thực. Do đó cần thiết phải có động lực đầu tiên, không được chuyển động bởi bất kì động lực nào và mọi người đều hiểu động lực đó là Thiên chúa.<sup>(8)</sup> Ngày nay, trong đồng dollar người Mĩ vẫn tuyên bố: “*In God we trust*” (chúng ta tin vào thượng đế).

### **6. Về nguồn gốc của nhà nước phương Đông cổ đại**

Cho đến nay, đa số các nhà sử học cũng như các nhà luật học đều cho rằng các nhà nước phương Đông cổ đại có nguồn gốc đặc thù so với các nhà nước phương Tây cổ đại. Các nước phương Đông cổ đại như Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ... có điều kiện thiên nhiên và khí hậu khắc nghiệt. Ở những nước này do nhu cầu xây dựng các hệ thống kênh rạch, đê điều, cầu cống để phòng chống lũ lụt và hạn hán nên việc thực hiện các chức năng công cộng này đã thúc đẩy sự ra đời của nhà nước.<sup>(9)</sup> Ngoài ra, chiến tranh giữa các bộ lạc đòi hỏi việc thành lập các lực lượng quân sự để phòng thủ hoặc tấn công cũng là nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của nhà nước.

Có thể nói rằng các quan niệm khác nhau về nguồn gốc nhà nước có ảnh hưởng nhất định đến quan niệm về bản chất của nhà

nước. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước dựa trên sự xuất hiện sở hữu tư nhân, sự xuất hiện người giàu, người nghèo, người bóc lột và bị bóc lột, sự phân chia xã hội thành các mặt đối lập gắn liền với quan điểm đề cao tính giai cấp của nhà nước. Quan điểm của trường phái khế ước xã hội đề cao tính xã hội của nhà nước. Quan điểm về nguồn gốc bạo lực và chiến tranh sinh ra nhà nước gắn liền với quan điểm khẳng định tính chất trấn áp và bạo lực của nhà nước. Quan điểm duy tâm tôn giáo đề cao vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội. Còn việc xem xét các điều kiện thiên nhiên và khí hậu khắc nghiệt đòi hỏi phát triển chức năng công cộng, thúc đẩy sự ra đời của nhà nước cũng đề cao tính chất công ích, tính chất xã hội của nhà nước. Như vậy có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu nguồn gốc ra đời của nhà nước giúp chúng ta hiểu đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn bản chất của nhà nước./.

(1).Xem: Samuel Enoch Stumpf & Donald C. Abel - “*Nhập môn triết học phương Tây*” (Elements of philosophy) (Bản dịch của Lưu Văn Hy), Nxb: Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.357.

(2).Xem: Sdd, tr.364.

(3).Xem: Sdd, tr.372.

(4).Xem: Sdd, tr.377.

(5).Xem: Jean Jacques Rousseau - “*Bàn về khế ước xã hội*” (Du contra social). Bản dịch của Thanh Đạm, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 41.

(6).Xem: John J. Macionis - “*Xã hội học*” (Sociology), Prentice Hall, Toronto, Canada 1987, Bản tiếng Việt do Nxb. Thống kê phát hành năm 2004, tr.520.

(7).Xem: Sdd, tr. 521.

(8).Xem: Sdd, các mục 1, 2, 3, 4, 5 tr.95.

(9).Xem: “*Lịch sử thế giới cổ đại*”, Chủ biên: Lương Ninh, Nxb. Giáo dục 1998, tr.34.